

Số:118/2018/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 130/ 2018/TLST/HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa:

Người yêu cầu:

**- Chị Trần Mai A, sinh năm 1979.**

Địa chỉ cư trú: Số 42 ngách 173/68 H, phường N, quận B, thành phố H.

**- Anh Nguyễn Thế D, sinh năm 1974.**

Địa chỉ cư trú: Số 6D ngõ 1 Đ, phường Đ, quận B, thành phố H.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; 58; 59; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 130 /2018 /TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018.

**XÉT THẤY:**

Anh Nguyễn Thế D và chị Trần Mai A đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, quận B, thành phố H ngày 14 tháng 3 năm 2000.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

## **Anh Nguyễn Thế D và chị Trần Mai A**

### **II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**Về con chung:** Anh Nguyễn Thế D và chị Trần Mai A có 02 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 20/5/2000 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 14/01/2008.

Giao hai con chung cho chị Mai A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn đóng góp tiền nuôi con chung đối với anh D đến khi chị M có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh D có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

**Về tài sản chung và nhà ở chung:** Anh D và chị Mai A không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Về công nợ:** Anh D và chị Mai A không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Về lệ phí:** Chị Mai A tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0008246 ngày 30/ 3 /2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

**III.** Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND quận B;
- Chi cục THA DS quận B;
- TAND TP. H;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH**

**Thẩm phán**

**Đông Thị Lai**